TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 07 - 01- 2019
V/v Tranh chấp ly hôn giữa bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thanh Vân
2. Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 639/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1988
Địa chỉ: đường B, Phường N, Quận T, TP. Hồ Chí Minh;
Tạm trú: ấp H, xã Q, huyện B1, TP. Hồ Chí Minh.
(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982
Địa chỉ: đường P, Phường N, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2018, bản khai ngày 06/8/2018, ngày 01/10/2018 và ngày 12/11/2018, biên bản hòa giải ngày 06/8/2018; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12/11/2018, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn H tự nguyện sống chung vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/4/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn

là do ông H không chung thủy, hiện tại ông H đang sống chung với người khác và đã có con riêng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu N sinh ngày 17/02/2017. Trong trường hợp ly hôn, bà N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, vì từ lúc sinh ra đến bây giờ bé Hiếu N sống cùng với bà và bà ngoại tại địa chỉ nhà ở ấp H, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bé còn bú sữa mẹ và bú kèm sữa bình, bé được 21 tháng tuổi, bé còn nhỏ và bé nói chưa rành nên bà chưa gởi bé vào nhà trẻ. Hiện nay, bà phụ bán quán cho gia đình với cô bên chồng, thu nhập tính theo ngày, mỗi ngày được 100.000 đồng nên bà có thể sắp xếp thời gian để trực tiếp chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị N xác nhận không có.

Tại bản khai đề ngày 06/8/2018, biên bản hòa giải ngày 06/8/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do bà N không hòa thuận với gia đình nên đem con về ngoại nuôi. Nay bà N xin ly hôn, ông muốn bà N được thoải mái nên ông đồng ý ly hôn với bà Mai Thị N .

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và Bà Mai Thị N có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu N sinh ngày 17/02/2017. Nếu ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn H xác nhận không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Trong quá trình Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng, tống đạt Quyết định cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do. Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không đến tòa.

Ngày 12/11/2018 nguyên đơn Mai Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, bị đơn chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị: Giao con chung cho Bà Mai Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn H vì bà N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà N xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của Bà Mai Thị N thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Văn H cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn Bà Mai Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N , Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn H chung sống năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2014 ngày 15/4/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Mai Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H : Xét quá trình chung sống, bà N và ông H đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà N trình bày là do ông H không chung thủy, hiện tại ông H đang sống chung với người khác và đã có con riêng. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân ở hai nơi riêng biệt. Riêng ông H trình bày là trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do bà N không hòa thuận với gia đình bên chồng nên đem con về ngoại nuôi. Nay bà N xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Giàu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà N và ông H đoàn tụ nhưng bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Mai Thị N.

Về con chung: Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu N sinh ngày 17/02/2017. Bà N và ông H đều có yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Xét, con chung Nguyễn Hiếu N hiện nay đang sống với mẹ là bà N và bà ngoại tại địa chỉ nhà ở ấp H, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay con chung được 21 tháng tuổi, bé còn bú sữa mẹ, bé nói chưa rành nên bà N chưa gởi bé vào nhà trẻ. Công việc của bà N phụ bán quán cho gia đình, thu nhập tính theo ngày nên bà có thể sắp xếp thời gian để trực tiếp chăm sóc con chung. Riêng ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hiếu N nhưng ông không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng

minh điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Do con chung dưới 36 tháng tuổi và bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là hợp lý, có cơ sở, phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tuyên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi bà N có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị N .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/4/2014).

2. Về con chung: Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu N sinh ngày 17/02/2017. Giao con chung Nguyễn Hiếu N cho Bà Mai Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn H cho đến khi bà N có yêu cầu.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng ông H không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung : Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Văn H xác nhận không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Bà Mai Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014872 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 5, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Trần Thị Thu Hiệp